TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **70**/2022/HS-ST
Ngày 22 - 11 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Sáu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hoàng Nghiệp;

2. Bà Lê Bích Loan.

Thư ký phiên toà: Ông Ngô Quang Khải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa: Ông Phan Thành Thửa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 53/2022/TLST-HS ngày 18 tháng 10 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 246/2022/QĐXXST-HS, ngày 07 tháng 11 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn H, sinh năm 1973, tại An Phú, An Giang; đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Ấp A, xã K, huyện An Phú, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 09/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn B (chết) và bà Nguyễn Thị H1 (chết); anh, chị, em có 08 người, bị cáo là người thứ bảy; vợ Hà Thị Diễm C, sinh năm 1987 (đã ly hôn); có 02 con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2011.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/02/2022 đến nay.

Bị cáo có mặt.

2. Nguyễn Văn L, sinh năm 1976, tại An Phú, An Giang; đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Ấp A, xã K, huyện An Phú, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: mua bán; trình độ học vấn: 04/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh;

giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; con ông Nguyễn Văn N (chết) và bà Nguyễn Thị B (chết); bị cáo là con duy nhất; vợ Nguyễn Thị N, sinh năm 1983; có 02 con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2010.

Tiền án, tiền sự : Không.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/02/2022 đến nay.

Bị cáo có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn L*: Luật sư Nguyễn Ngọc Châu – Văn phòng Luật sư Nguyễn Trần , thuộc Đ Luật sư tỉnh An Giang.

- *Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan vụ án*:

1. Ông Lý Văn B, sinh năm 2000; Nơi cư trú: Thôn Đạ Mpô, xã Liêng Srônh, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng.

2. Ông Lý Văn G, sinh năm 2004; Nơi cư trú: Thôn Đạ Mpô, xã Liêng Srônh, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng.

3. Ông Lý Văn Đ, sinh năm 2003; Nơi cư trú: Thôn Đạ Mpô, xã Liêng Srônh, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng.

4. Bà Lý Thị V, sinh năm 2005; Nơi cư trú: Thôn Đạ Mpô, xã Liêng Srônh, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng.

5. Ông Trần Tiến P, sinh năm 2000; Nơi cư trú: số P5/010 đường Nguyễn Huệ 2, xã Quang Trung, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

6. Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1986; Nơi cư trú: Ấp An Hòa, xã Khánh An, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

7. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1965; Nơi cư trú: Ấp Phú Thạnh, Phú Hữu, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, B, G, Đ, V, Đ, T có mặt; Trần Tiến P vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có nhu cầu sang Campuchia tìm việc làm, Trần Tiến P, cư ngụ tỉnh Đồng Nai lên mạng xã hội tìm kiếm, được người có tài khoản Zalo "Mon" giới thiệu làm việc tại Campuchia với tiền lương 900 USD/tháng. Ngày 20/02/2022, "Mon" kêu P đến Thành phố Hồ Chí Minh gặp 01 người đàn ông (không rõ họ, tên, địa chỉ) và sẽ hướng dẫn P đi đến thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang để được đưa sang Campuchia. Do P hết tiền nên "Mon" nhờ Vòng Cá Tiết, Trần Quỳnh Giang chuyển cho P 2.000.000 đồng. Ngày 25/02/2022, P đi xe khách đến thành phố Châu Đốc, thuê phòng nghỉ tại nhà trọ *"Mỹ Hồng 1"* thuộc phường Vĩnh Mỹ, thành phố Châu Đốc để chờ đưa sang Campuchia.

Cùng thời gian trên, Lý Văn B, Lý Văn G, Lý Văn Đ và Lý Thị V (cùng cư ngụ tỉnh Lâm Đồng) lên mạng xã hội tìm việc làm thì được người có tài

khoản Zalo "Ngọc Lan" giới thiệu làm game online với mức lương 18.000.000 đồng/tháng tại Thành phố Hồ Chí Minh và "Ngọc Lan" lập nhóm Zalo "Đón 25/2 Thủ Đức" trong đó có tài khoản Zalo "Phạm Lưu" và người sử dụng số điện thoại 0794448365 do Trần Văn Lưu đăng ký thuê bao để theo dõi, hướng dẫn đường đi cho B, G, Đ, V. Ngày 25/02/2022, "Ngọc Lan" hướng dẫn B, G, Đ, V đi xe khách từ tỉnh Lâm Đồng đến Thành phố Hồ Chí Minh, sau đó đưa cả 04 người đi đến khu vực cầu Cồn Tiên, huyện An Phú. Đến khoảng 03 giờ ngày 26/02/2022, "Ngọc Lan" tiếp tục kêu 02 xe môtô (chưa xác định được người điều khiển xe) chở B, G đến khu vực ấp An Hòa, xã Khánh An, huyện An Phú. Khoảng 03 giờ 45 phút ngày 26/02/2022, B, G được 01 người đàn ông (không rõ họ, tên, địa chỉ) dẫn ra bờ sông Hậu tiếp giáp biên giới Campuchia, B sử dụng điện thoại xem bản đồ Google Maps thì biết bên bờ sông đối diện là lãnh thổ Campuchia nên B, G bỏ chạy và điện thoại cho Đ, V biết. Sau đó, B, G đến Chốt quản lý số 08, Đồn Biên phòng cửa khẩu Long B thuộc Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh An Giang trình báo sự việc.

Riêng đối với Đ, V và P thì được Chau Chau (không rõ họ, địa chỉ, lai lịch) điện thoại thuê H, L đưa sang Campuchia, tiền công trả cho H 300.000 đồng/người, L 2.000.000 đồng/người thì H, L đồng ý. Khoảng 03 giờ 00 phút ngày 26/02/2022, Chau Chau điện thoại kêu H đến nhà trọ *"Mỹ Hồng 1"* chở Trần Tiến P và đến khu vực cầu Cồn Tiên chở Lý Văn Đ và Lý Thị V đến giao cho L để L đưa P, Đ, V sang Campuchia. H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 67L3-1152 đến nhà trọ *"Mỹ Hồng 1"* chở P; đồng thời H thuê 01 người đàn ông (không rõ họ, tên, địa chỉ) chạy xe mô tô cùng với H đến khu vực gần cầu Cồn Tiên chở Đ, V cùng đi đến bờ sông Hậu thuộc tổ 03, ấp An Hòa, xã Khánh An, huyện An Phú. H trả tiền công 150.000 đồng/người cho người đàn ông chạy xe ôm này. Sau đó, H điện thoại thông báo cho L biết, đến nhận P, Đ, V đưa sang Campuchia.

Ngay sau khi tiếp nhận nguồn tin từ Lý Văn B và Lý Văn G, Đồn Biên phòng cửa khẩu Long B tiến hành kiểm tra, P hiện Nguyễn Văn L đang đưa Trần Tiến P, Lý Văn Đ, Lý Thị V đến khu vực bờ sông Hậu thuộc tổ 03, ấp An Hòa, xã Khánh An, huyện An Phú để đưa sang Campuchia, khi bị P hiện L bỏ chạy nên lực lượng Đồn Biên phòng mời P, Đ, V về trụ sở làm việc. Cùng ngày, Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn L đến Đồn Biên phòng cửa khẩu Long B đầu thú, khai nhận cùng nhau tổ chức cho P, Đ, V xuất cảnh trái phép sang Campuchia để hưởng L.

Ngày 01/3/2022, Đồn Biên phòng cửa khẩu Long B thuộc Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh An Giang khởi tố vụ án hình sự và chuyển đến Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh An Giang để điều tra theo thẩm quyền. Ngày 03/3/2022, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh An Giang quyết định khởi tố bị can và ra lệnh tạm giam đối với Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn L.

Ngoài hành vi phạm tội nêu trên, Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn L còn khai nhận, trước đó đã 02 lần tổ chức đưa 04 người xuất cảnh trái phép sang Campuchia, cụ thể:

+ Lần thứ nhất: Ngày 19/02/2022, Chau Chau điện thoại kêu H đến quán cà phê Farm gần siêu thị Coopmart Châu Đốc chở 02 người đưa sang Campuchia trái phép với giá 5.400.000 đồng. Đến khoảng 03 giờ 30 phút cùng ngày, H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 67L3-1152 chở 02 người này đến khu vực Đình thần xã Khánh An giao cho L dùng xuồng đưa sang Campuchia. H đến gặp Phạm Văn Đ nhận 5.400.000 đồng (do người tên Mưa đang cư trú tại Campuchia yêu cầu Đ giao tiền cho H). H được hưởng 700.000 đồng, L hưởng 4.700.000 đồng tiêu xài.

+ Lần thứ hai: Ngày 22/02/2022, Chau Chau điện thoại kêu H đến cầu Cồn Tiên chở 02 người giao cho L đưa sang Campuchia với giá 2.300.000 đồng/người. H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 67L3-1152 chở 02 người đến khu vực biên giới thuộc ấp An Hòa, xã Khánh An giao cho L đưa sang Campuchia thì được 01 người đàn ông không rõ lai lịch trả tiền công 4.000.000 đồng. L giữ 4.000.000 đồng, chưa giao tiền cho H.

Cáo trạng số: 78/CT-VKSAG-P1 ngày 17 tháng 10 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang truy tố các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn L cùng về tội *"Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép"* theo điểm b khoản 2 Điều 348 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

Bị cáo H khai: Trước đây khi làm thuê ở Campuchia, bị cáo quen Chau Chau. Thời gian gần đây Chau Chau điện kêu H nhận người đưa sang Campuchia sẽ được trả công. H nhận lời và gặp L hỏi thì L đồng ý. H thừa nhận đã 3 lần cùng L tổ chức đưa người sang Campuchia trái phép như nội dung vụ án đã nêu.

Ngoài ra, bị cáo H còn thừa nhận trước đây bị cáo bị xử phạt 04 năm tù về tội *"Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới"*. Năm 2020 bị Biên phòng phạt 20.000.000 đồng về hành vi *"Chứa chấp người nhập cảnh trái phép"*. Đã nộp phạt xong. Xe mô tô biển số 67L3-1152 là bị cáo mua lại của người chị tên T nhưng chưa sang tên.

Bị cáo L khai: Khi nghe H hỏi việc đưa người sang Campuchia thì L nhận lời. L thừa nhận có cùng H 3 lần đưa người xuất cảnh trái phép từ Việt Nam sang Campuchia như lời bị cáo H trình bày. L sử dụng xuồng của người dân neo đậu đưa người khác xuất cảnh, sau đó về trả lại, không rõ của ai.

Lý Văn B, Lý Văn G, Lý Văn Đ và Lý Thị V khai: Do có nhu cầu tìm việc làm, họ đã lên mạng xã hội Zalo được tài khoản "Ngọc Lan" giới thiệu đến Thành phố Hồ Chí Minh làm việc. Nhưng sau đó B, G, Đ, V được sắp xếp đưa xuất cảnh trái phép sang Campuchia vào ngày 26/02/2022. Khi P hiện bị đưa đến biên giới Campuchia thì B, G đã bỏ chạy và đến Đồn Biên phòng trình báo sự việc như nội dung vụ án đã nêu. B, G, Đ, V xin lại các điện thoại bị thu giữ.

Phạm Văn Đ khai: Đ làm nghề sửa ổ khóa và mua hàng hóa tiêu dùng giao cho người tên Mưa ở Campuchia. Ngày 19/02/2022 Mưa có nhờ Đ đưa

5.400.000 đồng cho H nhưng không biết tiền gì. Việc H, L tổ chức đưa người sang Campuchia trái phép Đ không biết.

Nguyễn Thị T khai: Xe mô tô biển kiểm soát 67L3-1152 là của T mua nhưng chưa sang tên. Bà T đã bán lại cho Nguyễn Văn H (em của T) giá 8.000.000 đồng. Việc H sử dụng xe này chở người xuất cảnh trái phép thì bà T không biết.

Trong lời luận tội, Vị đại diện Viện kiểm sát bổ sung quyết định truy tố về nhân thân, Bản án đã xét xử đối với Nguyễn Văn H. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ của hành vi; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ; tình hình an ninh trật tự; mức độ nguy hiểm của hành vi và nhân thân từng bị cáo, đã đề nghị tuyên các bị cáo đồng phạm tội *"Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép"*. Đề nghị áp dụng điểm b khoản 2 Điều 348, điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo:

Nguyễn Văn H từ 06 (sáu) năm đến 07 (bảy) năm tù;

Nguyễn Văn L 05 (năm) đến 06 (sáu) năm tù;

Đề nghị áp dụng các điều 46, 47, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để xử lý vật chứng còn lại trong vụ án và tiền do phạm tội mà có. Đồng thời đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn L: Luật sư thống nhất tội danh, khung hình phạt theo Bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát truy tố. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử có xem xét đến hoàn cảnh nhân thân của các bị cáo, các bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, là lao động chính trong gia đình; đã tự khai ra các lần phạm tội trước, giúp cơ quan tiến hành tố tụng điều tra nhanh chóng. Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tác động gia đình nộp lại số tiền thu L bất chính. Trong đồng phạm, bị cáo L có vai trò thứ yếu, là người bị rủ rê. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử các bị cáo dưới mức khung hình phạt bị truy tố. Đề nghị xử phạt bị cáo L từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

Lời nói sau cùng, các bị cáo đã nhận thức được hành vi sai trái, hứa khắc phục sửa chữa. Các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh An Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố Tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện được xác định là hợp pháp.

[1.2] Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Tiến P vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Tuy nhiên, P đã có lời khai trong hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa, các bị cáo, người bào chữa, đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến về việc vắng mặt của P. Xét thấy việc vắng mặt của P không ảnh hưởng đến việc xét xử nên tiến hành xét xử vắng mặt đối với P là phù hợp quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét thấy lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra; phù hợp lời khai những người tham gia tố tụng khác; phù hợp Biên bản sự việc, Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú ngày 26/02/2022; Các Biên bản khám nghiệm hiện trường (cùng bản ảnh, sơ đồ hiện trường) các ngày 26/02/2022 và 17/6/2022; Biên bản nhận dạng; Biên bản kiểm tra Đ thoại; Kết luận giám định số 105/KLGT-PC09 (KTSĐT) ngày 04/6/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang (kèm phụ lục) cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có căn cứ xác định:

Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn L có hành vi câu kết với người tên Chau Chau (sống ở Campuchia, không rõ họ, tên, địa chỉ) tổ chức đưa người khác xuất cảnh trái phép 03 lần, cụ thể:

- Lần thứ nhất: Ngày 19/02/2022 tổ chức đưa 2 người xuất cảnh sang Campuchia trái phép, hưởng L 5.400.000 đồng. H được hưởng 700.000 đồng, L hưởng 4.700.000 đồng.

- Lần thứ hai: Ngày 22/02/2022 tổ chức đưa 02 người xuất cảnh sang Campuchia trái phép, hưởng L 4.000.000 đồng. L còn giữ chưa chia cho H.

- Lần thứ ba: Ngày 26/02/2022 tổ chức đưa Trần Tiến P, Lý Văn Đ, Lý Thị V xuất cảnh sang Campuchia trái phép thì bị bắt quả tang tại ấp An Hòa, xã Khánh An, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Các bị cáo là những người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ việc đưa người xuất cảnh trái phép là vi phạm pháp pháp luật nhưng cố ý thực hiện vì mục đích vụ lợi. Từ đó có đủ cơ sở khẳng định, hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội *"Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép"* với tình tiết định khung tăng nặng "phạm tội nhiều lần" được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 348 Bộ luật Hình. Xác định, truy tố của Viện kiểm sát đối với các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn L theo Cáo trạng số 78/CT-VKSAG-P1, ngày 17 tháng 10 năm 2022 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Hành vi của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý hành chính của Nhà nước nói chung, xâm phạm lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh nói riêng. Ngoài ra còn ảnh hưởng trật tự an toàn xã

hội, vi phạm quy định của Chính phủ về thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh Covid -19. Hành vi của các bị cáo còn có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến an toàn của cộng đồng.

[2.3] Đây là vụ án có đồng phạm, là đồng phạm giản đơn. Các bị cáo vì mục đích vụ lợi, câu kết nhau cùng thực hiện hành vi tổ chức đưa người khác từ Việt Nam sang Campuchia trái phép. Trong đó, H là người tiếp nhận thông tin, đón khách; L là người nhận khách đưa sang Campuchia. Các bị cáo đều có vai trò cùng thực hiện, cùng hưởng lợi. Nguyên nhân các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội là do các bị cáo không có việc làm ổn định; ý thức chấp hành pháp luật kém; là người ở khu vực biên giới, thường xuyên qua lại nên rành đường. Đồng thời, việc đưa người xuất cảnh trái phép tốn ít công nhưng thu được nhiều tiền. Động cơ, mục đích thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo là vì lợi ích vật chất, không vì L ích khác.

[2.4] Bên cạnh hành vi phạm tội *"Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép"* của các bị cáo còn có nhiều người khác có nhu cầu xuất cảnh, nhập cảnh, ý thức pháp luật kém, cố tình vi phạm, đã gây khó khăn cho lực lượng chức năng trong việc kiểm soát người xuất cảnh, nhập cảnh; gây hoang mang, bức xúc trong Nhân dân. Trong vụ án này, những người mà các bị cáo tổ chức xuất cảnh sang Campuchia trái phép có những người bị lừa gạt. Quá trình điều tra xác định các bị cáo không nằm trong mắc xích đường dây tổ chức lừa gạt, nên không xử các bị cáo về hành vi này là có căn cứ.

[3] Về hình phạt:

Đối với bị cáo Nguyễn Văn H, mặc dù nhận tiền hưởng lợi ít hơn so bị bị cáo L, nhưng trong đồng phạm bị cáo là người có vai trò chính yếu. Bị cáo là người trực tiếp liên hệ Chau Chau (ở Campuchia) nhận tin, đón khách và rủ rê bị cáo L. Về nhân thân, bị cáo có lý lịch không tốt, ngày 24/05/2001, bị Tòa phúc thẩm TANDTC tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm tù, về tội *"Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới"*, được đặc xá tha tù trước thời hạn ngày 02/9/2002, nên thuộc trường hợp đương nhiên xóa án theo quy định tại Điều 70 Bộ luật Hình sự. Ngày 10/12/2020 bị Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh An Giang xử phạt 20.000.000 đồng về hành vi *"Chứa chấp, che giấu người nhập cảnh trái phép"*. Đã nộp tiền phạt ngày 10/12/2020, thuộc trường hợp được coi là chưa bị xử phạt hành chính theo quy định tại Điều 7 Luật xử phạt vi phạm hành chính. Do đó hình phạt đối với bị cáo H là cao hơn so bị cáo L.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn L, mặc dù bị cáo nhận hưởng L nhiều hơn so bị cáo H. Tuy nhiên trong đồng phạm bị cáo có vai trò thứ yếu. Bị cáo là người trực tiếp tổ chức đưa người xuất cảnh trái phép. Bản thân chưa có tiền án, tiền sự, nên hình phạt đối với bị cáo L là thấp hơn so bị cáo H.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng tặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Khi bị P hiện, các bị cáo đã chủ động đến Đồn Biên phòng Long Bình đầu thú. Trong giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa đã

thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải; đã khai ra các phần phạm tội trước đó. Các bị cáo đều thuộc thành phần lao động nghèo, ít am hiểu pháp luật, là lao động chính trong gia đình, đã tác động gia đình nộp lại toàn bộ số tiền thu L bất chính, nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Từ phân tích trên, xét thấy đề nghị về mức hình phạt của Vị đại diện Viện kiểm sát đối với các bị cáo là có căn cứ. Cần thiết áp dụng hình phạt tiếp tục cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội thêm một thời gian nữa, nhằm có đủ thời gian cải tạo, giáo dục bị các cáo để các bị cáo nhận thức được hành vi sai trái, khắc phục, sửa đổi, trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội về sau.

Hội đồng xét xử cũng thống nhất lời bào chữa và quan điểm của vị Luật sư. Tuy nhiên, trong tình hình đại dịch Covid-19 đang diễn biến phức tạp; tình hình đưa người xuất cảnh, nhập cảnh trái phép trên địa bàn huyện An Phú chưa có dấu hiệu giảm, nên cần thiết áp dụng hình phạt nghiêm theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát mới có thể đủ sức răn đe, phòng ngừa chung.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nên thống nhất đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về những người có quyền L, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Đối với Lý Văn Đ, Lý Thị V, Lý Văn B, Lý Văn G không có mục đích xuất cảnh trái phép sang Campuchia, bị các đối tượng có tài khoản Zalo "Ngọc Lan", "Phạm Lưu" tổ chức đưa xuất cảnh trái phép sang Campuchia, nên không vi phạm pháp luật, không đặt vấn đề xử lý là phù hợp pháp luật.

Đối với Trần Tiến P và Phạm Văn Đ đã có hành vi xuất cảnh trái phép, nhưng chưa bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh An Giang chuyển xử lý hành chính là có căn cứ. Đ, Vòng Cá T1 và Trần Quỳnh G1 là những người đã giúp nhận, giao tiền cho H, chuyển tiền cho P. Đ, T1, G1 không biết và cũng không tham gia tổ chức đưa người xuất cảnh trái phép sang Campuchia của Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn L nên Cơ quan An ninh điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự là có căn cứ.

Đối với người tên Chau Chau, Mưa, các chủ tài khoản Zalo tên "Ngọc Lan", "Phạm Lưu", "Mon"; cũng như đối tượng sử dụng số Đ thoại 0794448365, người đàn ông hướng dẫn B, G xuất cảnh trái phép sang Campuchia là vi phạm pháp luật. Do các đối tượng này đang cư trú tại Campuchia và chưa xác định được nhân thân lai lịch, nên tách ra xử lý sau là có căn cứ. Kiến nghị Cơ quan An ninh điều tra tiếp tục điều tra làm rõ để xử lý theo quy định của pháp luật.

[6] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

[6.1] Về biện pháp tư pháp: Theo thừa nhận của các bị cáo và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, có căn cứ xác định, trong quá trình thực hiện hành vi

phạm tội, các bị cáo đã thu L bất chính 9.400.000 đồng. Gia đình bị cáo L nộp lại 8.700.000 đồng; gia đình bị cáo H nộp lại 700.000 đồng. Đây là tiền do phạm tội mà có, nên tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[6.2] Về xử lý vật chứng:

- Đối với xe mô tô biển số 67L3-1152; 02 Đ thoại (01 hiệu Iphone 6 Plus, 01 hiệu Nokia) kèm các sim số 0366776799, 0814774896 là của Nguyễn Văn H sử dụng làm công cụ, phương tiện thực hiện hành vi phạm tội, nên tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với Đ thoại hiệu Nokia kèm sim số 0385311727; Căn cước công dân là của Nguyễn Văn L. điện thoại bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội, nên tịch tịch thu sung ngân sách Nhà nước; Căn cước công dân số 089076004395 là giấy tờ tùy thân, không liên quan tội phạm, nên trả lại cho bị cáo L .

- Đối với 05 (năm) điện thoại di động của Trần Tiến P, Lý Thị V, Lý Văn G, Lý Văn Đ, Lý Văn B không liên quan tội phạm, nên trả lại cho P, V, G, Đ, B.

[7] Về án phí:

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn L đồng phạm tội *"Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép".*

2. Về hình phạt:

2.1 Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 348, điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58; Điều 38 của Bộ luật Hình,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 06 (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 26/02/2022 (Ngày hai mươi sáu tháng hai năm hai nghìn không trăm hai mươi hai).

2.2 Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 348, điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 26/02/2022 (Ngày hai mươi sáu tháng hai năm hai nghìn không trăm hai mươi hai).

3. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Căn cứ các điều 46, 47, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự,

- Tuyên tịch thu sung ngân sách Nhà nước,

+ Tiền Việt Nam 9.400.000 *(Chín triệu bốn trăm nghìn)* đồng.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus, màu xám, số IMEL 354452063909514 kèm sim số 0366776799; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, số IMEL 358892075345718 kèm sim số 0814774896; 01 (một) xe mô tô nhãn hiện Hoda, biển số 67L3-1152 (của Nguyễn Văn H).

+ 01 (môt) điện thoại hiệu Nokia kèm sim số 0385311727 (của Nguyễn Văn L).

- Tuyên trả lại cho,

+ Trần Tiến P 01(một) điện thoại di động hiệu Iphone Pro Max, màu xám, số IMEL 353920103534782 kèm sim số 0584076643;

+ Lý Thị V 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO A12, màu xanh, số IMEL 869540050731418 kèm sim số 03631352035;

+ Lý Văn G 01(một) điện thoại di động hiệu Itel S16 Pro, màu xanh-đen, số IMEL 350133432691843 kèm sim số 0358602629;

+ Lý Văn Đ 01(một) điện thoại di động hiệu OPPO F9 Pro, màu xanh-đen, số IMEL 866468037721331 kèm sim số 0398812073;

+ Lý Văn B 01(một) điện thoại di động hiệu Tecno Spark 7T, màu xanh, số IMEL 351309181430307 kèm hai sim số 0345822905 và 0398897325.

+ Bị cáo Nguyễn Văn L 01 (một) Căn cước công dân số 089076004395.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/10/2022 giữa Cơ quan An ninh điều tra – Công an tỉnh An Giang và Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú và Biên lai thu tiền số 0003474 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú).

4. Về án phí:

Căn cứ các điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

- Bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu 200.000 *(Hai trăm nghìn)* đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo Nguyễn Văn L phải chịu 200.000 *(Hai trăm nghìn)* đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ các điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Án tuyên công khai có mặt các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn L; người có quyền L, nghĩa vụ liên quan Phạm Văn Đ, Lý Văn Đ, Lý Thị V, Lý Văn B, Lý Văn G, Nguyễn Thị T. Thời hạn kháng cáo của các bị cáo H, L; những người có quyền L, nghĩa vụ liên quan Đ, Đ1, V, B, G là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (22/11/2022).

Thời hạn kháng cáo của Trần Tiến P là 15 ngày kể từ ngày Bản án tống đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện KSND huyện An Phú (1);
- Viện KSND tỉnh An Giang (1)
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ, CQĐT (2);
- Thi hành án DS huyện An Phú (1);
- Bộ phận THAHS Tòa án (1);
- UBND xã nơi bị cáo cư trú (1);
- Bị cáo (2);
- Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (7);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Trần Văn Sáu